TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;
- Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 534/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Chị Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1990. (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Sĩ T, sinh năm 1987. (Xin vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Số A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, chị Huỳnh Thị D trình bày: Chị Huỳnh Thị Kim L và anh Nguyễn Sĩ T trước đây có vay tiền của chị D nhiều lần, sau đó chị D và chị L, anh T mới lập giấy mượn tiền. Tổng cộng, chị L, anh T vay của chị D 100.000.000 đồng và hẹn từ ngày 30-01-2019 đến ngày 30-01-2021 âm lịch phải trả. Tuy nhiên, khi hết thời hạn trả nợ, chị D đã đòi nhiều lần nhưng chị L, anh T không trả. Do đó,

nay chị D yêu cầu anh T, chị L phải trả 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với lời khai của chị L cho rằng sau khi viết biên nhận nợ, chị L, anh T có tham gia chơi hụi và làm thuê cho chị D để trừ số nợ là không đúng vì phần chị L, anh T chơi hụi là riêng, anh T, chị L làm thuê cho chị D để trừ nợ hụi, không liên quan đến số tiền nợ vay này, chị D đã giao tiền hụi, trả tiền làm thuê cho chị L, anh T. Đối với phần hụi, chị L chưa đóng hết, còn nợ chị D một số tiền hụi nhưng do thất lạc sổ sách nên chị D chưa kiện đòi được. Anh T có làm thuê hàng tháng cho chị D, chị L thì làm thời vụ. Đối với số tiền chị L làm thuê nêu trên, chị L và mẹ chị L cùng làm được 3.000.000 đồng, chị D trả cho mẹ chị L 2.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng chị D trừ vào tiền hụi của nhiều dây chứ không trừ riêng dây nào. Còn anh T bứng kiểng cho chị D là lúc đó nghỉ làm sầu riêng, nhiều người cùng làm từ thiện, bứng 02 cây tùng cho chùa nhưng nay chị L lại nói tính tiền là không đúng, anh T chỉ làm 01 ngày, nếu tính tiền thì cũng chỉ được 500.000 đồng, chị D đồng ý trừ vào tiền hụi còn nợ, không trừ vào tiền vay.

Bị đơn, chị Huỳnh Thị Kim L trình bày: Trước đây chị L có hỏi mượn nợ của chị D nhiều lần, chị L cũng có thiếu tiền của những người khác và những người đó cũng nợ chị D nên chị D đồng ý cho cấn trừ, xác định lại chị nợ chị D, không nợ những người đó nữa. Tiền chị L và anh T nợ của chị D là khoảng hơn 30.000.000 đồng, còn cấn trừ của những người chị L, anh T nợ là khoảng hơn 20.000.000 đồng và 01 khoảng chị L vay nặng lãi 10.000.000 đồng của một người nữa chị D cũng đứng ra trả thay cho chị L. Như vậy, toàn bộ số tiền mà chị L, anh T nợ chị D là khoảng 80.000.000 đồng nhưng chị D buộc chị L và anh T phải ký biên nhận nợ 100.000.000 đồng. Nay chị L đồng ý là chị và anh T chồng chị còn nợ chị D 100.000.000 đồng, nhưng sau khi viết biên nhận xong thì chị L có chơi hụi của chị D để trả cho khoản nợ này, cụ thể:

- 02 dây hụi 2.000.000 đồng, chị L không nhớ ngày khui, mỗi tháng khui 01 lần, 01 dây chị hốt kỳ thứ 03, 01 dây chị hốt kỳ thứ 4, hốt tổng cộng 02 dây là khoảng 49.000.000 đồng (Dây đầu 26.000.000 đồng, dây thứ hai khoảng 23.000.000 đồng) nhưng chỉ đưa chị dây đầu là khoảng 1.000.000 đồng, dây sau là khoảng 700.000 đồng, còn lại chị D trừ vào khoảng nợ 100.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ.

- 01 dây hụi 1.000.000 đồng, không nhớ ngày khui hụi, mỗi tháng khui 01 lần, chị L hốt kỳ thứ 04, hốt được hơn 18.000.000 đồng, chị D trừ toàn bộ số hụi này sang khoảng nợ vay 100.000.000 đồng nhưng cũng không làm giấy tờ.

- 01 dây hụi 500.000 đồng, không nhớ ngày khui, mỗi tuần khui 01 lần, chị L hốt kỳ thứ 6, được hơn 11.000.000 đồng chị D trừ toàn bộ số hụi này sang khoảng nợ vay 100.000.000 đồng nhưng cũng không làm giấy tờ.

- 03 dây hụi ngày 100.000 đồng/ngày, đây là tiền góp chứ không phải hụi, chị D tính tỉ lệ là chị L chỉ nhận 2.700.000 đồng nhưng chị L phải góp 3.000.000 đồng. Tiền này là chị L góp mỗi ngày cho chị D để trả cho các khoản nợ hụi nói trên. Chị góp cho chị D mỗi ngày khoảng hơn 01 năm để trừ cho toàn bộ số nợ trên.

Ngoài ra, anh T còn phải đi làm thuê cho chị D để trừ nợ. Toàn bộ việc cấn trừ nợ hụi vào nợ vay, số hụi góp ngày và tiền anh T làm thuê cho chị D được chị D cấn trừ vào số nợ vay 100.000.000 đồng nhưng hai bên không lập giấy nợ mới mà chị D chỉ ghi 01 tờ giấy hụi ghi vợ chồng chị còn thiếu lại 14.300.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi trừ nợ còn 14.300.000 đồng thì chị L có đi làm thuê (Lãi bông sầu riêng) cho chị D được 4.000.000 đồng nhưng chị D chỉ trả 1.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng trừ nợ; anh T là chồng chị đi bứng kiểng ở nhà chị D được 3.500.000 đồng, chị D cũng không trả tiền mà trừ hết vào số nợ. Nếu trừ luôn cả phần chị và anh T làm thuê này nữa thì nay vợ chồng chị L chỉ còn nợ chị D 7.800.000 đồng.

Bị đơn, anh Nguyễn Sĩ T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa,

Chị Huỳnh Thị D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Huỳnh Thị Kim L và anh Nguyễn Sĩ T phải trả số tiền vay là 100.000.000 đồng chưa trả, rút lại yêu cầu tính lãi với số tiền 67.000.000 đồng. Bị đơn, chị L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị D, chị thống nhất chị và anh T hiện chỉ còn nợ chị D số tiền 7.800.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự bảo đảm theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ, việc vay tiền giữa hai bên có lập biên nhận, chị L thừa nhận số nợ và cho rằng đã trả được 92.200.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị L, anh T phải trả số tiền vay 100.000.000 đồng, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Huỳnh Thị D khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Thị Kim L, anh Nguyễn Sĩ T phải trả số tiền vay nên căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn, chị L, anh T

cư trú tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, anh Nguyễn Sĩ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Nguyên đơn, chị Huỳnh Thị D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi trên số tiền vay là 67.000.000 đồng, tạm tính đến ngày 30-6-2022. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của chị D là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Huỳnh Thị D khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Thị Kim L, anh Nguyễn Sĩ T phải trả số tiền vay 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền được lập giữa chị D và chị L, anh T. Theo nội dung thỏa thuận nêu tại giấy mượn tiền, chị L, anh T thống nhất có nợ chị D 100.000.000 đồng và hứa hẹn sẽ trả từ ngày 30-01-2019 âm lịch đến 30-01-2021 âm lịch. Chị L thừa nhận chị và anh T có ký vào giấy mượn tiền nhưng cho rằng sau khi ký giấy mượn tiền, chị L đã tham gia chơi hụi của chị D và làm thuê cho chị D để trừ nợ vay, anh T làm thuê cho chị D hàng tháng 10.000.000 đồng để trừ nợ hụi. Lời khai của chị L không được phía chị D thừa nhận, chị L, anh T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh đã trả nợ cho chị D được 92.200.000 đồng, chỉ còn nợ lại 7.800.000 đồng. Chị D thì khẳng định tiền nợ hụi không liên quan gì đến khoản nợ vay, do chị L hứa khi nào bán được đất sẽ trả nợ vay nên chị D mới cho chị L tham gia chơi hụi, hiện chị L vẫn còn nợ hụi chưa trả hết. Anh Nguyễn Hùng C có lời khai làm chứng cho chị L, tuy nhiên qua xem xét lời khai của anh C không thể hiện được việc anh T đã làm thuê để trả nợ cho chị D được bao nhiêu tiền, của khoản nợ nào, anh C có nhìn thấy chị D trả tiền công cho anh T nhưng không rõ bao nhiêu; cũng không rõ việc tham gia chơi hụi giữa chị L và chị D. Lẽ ra, khi anh T, chị L làm thuê, chơi hụi của chị L để trừ nợ thì chị L, anh T phải yêu cầu chị D làm biên nhận hoặc giấy tờ với hình thức khác thể hiện có việc cấn trừ nợ, nhưng hai bên đều không thực hiện. Chị L cung cấp giấy ghi hụi nhưng là bản pho-tô-co-py, không được chị D thừa nhận có cấn trừ vào khoản nợ vay nên không có giá trị chứng minh. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận lời khai của chị L cho rằng vợ chồng chị đã trả nợ cho chị D được 92.200.000 đồng trong tổng số 100.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 7.800.000 đồng. Trường hợp chị L, anh T có đủ chứng cứ để chứng minh có làm thuê cho chị D nhưng chưa được trả tiền công, chơi hụi nhưng chưa được giao

tiền hụi thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị D không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Chị Huỳnh Thị Kim L, anh Nguyễn Sĩ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do chị L, anh T thuộc diện hộ cận nghèo nên được cho miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của đương sự được kiểm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Huỳnh Thị D về yêu cầu tính lãi trên số tiền vay 100.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị D. Buộc chị Huỳnh Thị Kim L, anh Nguyễn Sĩ T có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu) đồng, trả làm một lần.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị Kim L, anh Nguyễn Sĩ T được miễn nộp án phí.

Chị Huỳnh Thị D được nhận lại 3.025.000 (Ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016827 ngày 24-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh

Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực